

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 07-8-2025.

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phát Triển.

Ông Nguyễn Chí Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Văn An - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 2 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Kim C, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số nhà D, ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Phạm Minh T, sinh năm 1981, Địa chỉ: Số nhà D, ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Kim C trình bày :*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Phạm Minh T quen biết và tìm hiểu nhau từ khoảng năm 1999. Sau một thời gian gắn bó, chúng tôi quyết định tiến tới hôn nhân. Dù không tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, nhưng cả hai đã tự nguyện đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04 tháng 10 năm 2013, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp.

Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân không diễn ra như kỳ vọng. Ngay từ những ngày đầu chung sống, giữa tôi và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong sinh hoạt, bất đồng trong lối sống, quan điểm và cách ứng xử. Chúng tôi không tìm thấy sự đồng cảm, thiếu tiếng nói chung, dẫn đến việc không thể hòa hợp trong đời sống vợ chồng.

Nghiêm trọng hơn, anh T còn duy trì mối quan hệ tình cảm ngoài hôn nhân với một người phụ nữ khác. Dù tôi nhiều lần nhẹ nhàng khuyên nhủ, góp ý để gìn giữ hạnh phúc gia đình, anh vẫn không chấm dứt mối quan hệ sai trái đó. Trước sự cố chấp và thiếu thiện chí hàn gắn từ phía anh, tôi buộc phải quyết định ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Kể từ đó, cuộc sống vợ chồng đã hoàn toàn chấm dứt, cả về tinh thần lẫn vật chất.

Vì những lý do trên, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, hôm nay tôi làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Minh T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chúng tôi có hai con chung là Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2000 và Phạm Bảo D, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2015.

Hiện nay, cháu Phạm Thị Quỳnh N đã trưởng thành và có khả năng tự lập, nên tôi không có yêu cầu gì liên quan đến cháu.

Riêng cháu Phạm Bảo D vẫn còn nhỏ, tôi đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu sau khi ly hôn. Tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu giải quyết.

** Tại phiên tòa bị đơn Phạm Minh T trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng thuận với lời trình bày của chị Lê Kim C về thời gian chúng tôi quen biết, tìm hiểu và thời điểm đăng ký kết hôn. Cụ thể, chúng tôi gặp gỡ và bắt đầu mối quan hệ từ năm 1999, sau đó chính thức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04 tháng 10 năm 2013.

Trong thời gian chung sống, giữa tôi và chị C quả thực đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, chủ yếu xuất phát từ sự khác biệt về lối sống, quan điểm và cách ứng xử trong sinh hoạt hằng ngày. Tuy vậy, theo nhận định của tôi, những bất đồng này không đến mức nghiêm trọng, chưa phải trầm trọng như chị C nêu. Mâu thuẫn trong hôn nhân là điều khó tránh

khỏi, nhưng trong lòng tôi vẫn còn tình cảm với vợ, vẫn thương yêu các con và luôn mong gia đình có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ.

Tôi thừa nhận rằng trong thời gian chung sống, bản thân có duy trì một số mối quan hệ xã hội bên ngoài, điều này có thể khiến chị C phiền lòng. Tuy nhiên, những mối quan hệ đó không phải là nguyên nhân khiến tôi muốn chấm dứt hôn nhân. Bởi lẽ, trong thâm tâm tôi, gia đình luôn là điều quan trọng nhất và tôi chưa bao giờ có ý định ly hôn.

Từ năm 2021 đến nay, chúng tôi ly thân. Dẫu vậy, trong thời gian này, tôi vẫn thường xuyên qua lại, gặp gỡ và thỉnh thoảng chung sống cùng vợ con. Điều đó thể hiện mong muốn của tôi trong việc gìn giữ mái ấm gia đình. Do đó, tôi không đồng ý ly hôn.

Tuy nhiên, trong trường hợp Tòa án xét thấy cần thiết và chấp thuận yêu cầu ly hôn của chị C, tôi xin có những đề nghị cụ thể như sau:

- Về con chung: Trong thời gian hôn nhân, chúng tôi có hai con chung là Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2000 và Phạm Bảo D, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2015.

Hiện tại, cháu Phạm Thị Quỳnh N đã trưởng thành, có khả năng tự lập, vì vậy tôi không có yêu cầu gì liên quan đến cháu.

Riêng cháu Phạm Bảo D vẫn còn nhỏ, tôi đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu sau khi ly hôn. Tôi không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung:

Giữa tôi và chị C không tồn tại tài sản chung hoặc nghĩa vụ tài chính chung cần Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, tôi không có yêu cầu nào liên quan đến tài sản và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Kim C khởi kiện xin ly hôn bị đơn anh Phạm Minh T nên Quan hệ pháp luật trong vụ kiện này được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*”. Bị đơn anh T có nơi cư trú tại xã P, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:* Hội đồng xét xử xét thấy

[2.1] Về hôn nhân: Chị C và anh T chung sống như vợ chồng từ năm 1999, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/10/2013 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp trước đây. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, theo lời trình bày của chị C, cuộc sống hôn nhân không diễn ra êm đềm như kỳ vọng. Ngay từ những ngày đầu chung sống, giữa chị C và anh T đã liên tục phát sinh mâu thuẫn trong sinh hoạt, bất đồng về lối sống, quan điểm và cách đối nhân xử thế. Hai người không tìm thấy sự đồng cảm, thiếu tiếng nói chung, dẫn đến việc không thể hòa hợp trong đời sống vợ chồng.

Không chỉ dừng lại ở đó, anh T còn duy trì một mối quan hệ tình cảm ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác. Mặc dù chị C đã nhiều lần nhẹ nhàng khuyên nhủ, góp ý với mong muốn anh thay đổi để gìn giữ hạnh phúc gia đình, nhưng anh T vẫn không chấm dứt mối quan hệ sai trái ấy. Trước sự cố chấp và thiếu thiện chí hàn gắn từ phía anh, chị C đã buộc phải quyết định ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Kể từ đó, cuộc sống vợ chồng đã hoàn toàn chấm dứt, cả về phương diện tinh thần lẫn vật chất.

Về phía anh T, anh thừa nhận rằng giữa anh và chị C đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, chủ yếu bắt nguồn từ sự khác biệt trong lối sống, quan điểm và cách ứng xử trong đời sống hằng ngày. Trong thời gian chung sống, anh T cũng có duy trì một số mối quan hệ xã hội bên ngoài, điều này có thể đã khiến chị C không hài lòng. Tuy nhiên, theo anh T, những mối quan hệ đó không phải là nguyên nhân dẫn đến việc chấm dứt hôn nhân, bởi trong thâm tâm, anh luôn coi gia đình là điều quan trọng nhất và chưa từng có ý định ly hôn. Ngay cả trong thời gian ly thân, anh T vẫn duy trì sự liên lạc, qua lại với chị C và thể hiện rõ mong muốn được đoàn tụ, tiếp tục chung sống cùng nhau.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa đã nhiều lần động viên, khuyên nhủ và tiến hành hòa giải, mong chị C cân nhắc việc trở về đoàn tụ với anh T để cùng nhau nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, chị C kiên quyết từ chối, vẫn giữ vững yêu cầu được ly hôn, vì cho rằng cuộc sống hôn nhân với anh T không mang lại hạnh phúc. Chị khẳng định rằng, ngay cả khi Tòa án có tuyên buộc đoàn tụ, chị cũng không quay về sống chung, bởi tình cảm với anh T đã hoàn toàn chấm dứt.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ hoặc chồng có hành vi bạo lực gia đình, hoặc vi phạm*

ng nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được." Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị C và anh T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Từ năm 2021, hai bên đã sống ly thân và trong suốt thời gian này, không có bất kỳ biện pháp nào được thực hiện để hàn gắn tình cảm, cũng không có dấu hiệu nào cho thấy khả năng đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị C là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C.

[2.2] Về con chung:

Chị C và anh T chung sống có 02 con chung tên là có hai người con chung là Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2000 và Phạm Bảo D, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2015. Hiện nay, cháu Phạm Thị Quỳnh N đã trưởng thành, có khả năng tự lập, chị C và anh T không có bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến cháu N.

Hiện nay, chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Bảo D. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C đề nghị tiếp tục được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu, trong khi anh T cũng yêu cầu được quyền nuôi con chung này.

Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân, chị C luôn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo D, bảo đảm đầy đủ các điều kiện về vật chất lẫn tinh thần cho sự phát triển của cháu. Mặc dù anh T có công việc ổn định và cũng có điều kiện để nuôi con, nhưng hiện tại cháu Bảo D đang sinh sống ổn định, phát triển bình thường trong sự chăm sóc của mẹ.

Điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Bảo D, theo bản tường trình ngày 07 tháng 7 năm 2025, cháu Phạm Bảo D đã bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục ở cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu Phạm Bảo D cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Chị C và anh T xác định không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị C và anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Lê Kim C phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 264, 271, 273, 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Kim C. Cho chị Lê Kim C được ly hôn với anh Phạm Minh T.
 2. Về con chung: Chị Lê Kim C được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Phạm Bảo D, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2015. Chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con
Anh Phạm Minh T được quyền đến thăm nom chăm sóc con, không ai được cản trở.
 3. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết
 4. Về nợ chung: không có
 5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Kim C nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng, chị C đã nộp ngày 07/7/2025 theo biên lai thu số 0007618 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.
- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND Khu vực 7;
- Các đương sự
- Phòng THADS Khu vực 7;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (A)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**